

Số: 199 /GPMT-UBND

Đồng Tháp, ngày 09 tháng 7 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH-15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của Công ty TNHH Thủy sản Hai Năm tại văn bản số 37/CV-HNF ngày 22 tháng 6 năm 2026 về việc hoàn chỉnh giấy phép môi trường của cơ sở Nhà máy chế biến thủy sản Hai Năm và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 9863/TTr-SNN&MT ngày 07 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Thủy sản Hai Năm, địa chỉ tại: Quốc lộ 30, ấp Nhứt, xã An Long, tỉnh Đồng Tháp được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Nhà máy chế biến thủy sản Hai Năm, địa chỉ: Quốc lộ 30, ấp Nhứt, xã An Long, tỉnh Đồng Tháp với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

a) Tên cơ sở: Nhà máy chế biến thủy sản Hai Năm của Công ty TNHH Thủy sản Hai Năm.

b) Địa điểm hoạt động: Quốc lộ 30, ấp Nhứt, xã An Long, tỉnh Đồng Tháp.

c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Mã số doanh nghiệp: 1402119462 đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 3 năm 2019, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 08 tháng 9 năm 2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp cấp.

d) Mã số thuế: 1402119462.

đ) Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: chế biến thủy sản.

e) Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích: 120.034,91 m²

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 được sửa, đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

- Công suất và quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất được xem xét cấp phép tại Giấy phép môi trường này:

+ Công suất 6.864 tấn sản phẩm/năm, kho lạnh 5.000 tấn/năm và các hạng mục công trình phụ trợ khác.

+ Quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất: nguyên liệu đầu vào → Cắt tiết, ngâm → Fillet, rửa 1, lạng da → Định hình, kiểm tra, rửa 2 → Soi ký sinh trùng → Rửa 3 → Quay thuốc → Phân cỡ, phân loại → Cân → Rửa 4 → (Chờ đông → Cấp đông IQF → Mạ băng → Tái đông → Cân) (xếp khuôn → Chờ đông → Cấp đông Block → Tách khuôn) → Bao gói → Bảo quản kho lạnh → Xuất hàng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường

a) Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

b) Bảo đảm giá trị giới hạn tối đa về tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

c) Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

d) Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Thủy sản Hai Năm được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Thủy sản Hai Năm có trách nhiệm:

a) Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

b) Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

d) Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

đ) Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *mun*

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Công an tỉnh;
- UBND xã An Long;
- Công ty TNHH Thủy sản Hai Năm;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: CVP, các PCVP, các Phòng nghiên cứu;
- Lưu: VT, Nguyên.

KT. CHỦ TỊCH *moal*
PHÓ CHỦ TỊCH

Thanh
Nguyễn Thành Diệu

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI
VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 199/GPMT-UBND
ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân viên.
- Nguồn số 02: nước thải từ hoạt động của nhà bếp, căn tin.
- Nguồn số 03: nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động chế biến thủy sản.
- Nguồn số 04: nước thải vệ sinh nhà xưởng, vệ sinh khu phụ phẩm.
- Nguồn số 05: nước thải từ phòng giặt.
- Nguồn số 06: nước rỉ từ khu vực chứa rác sinh hoạt.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

a) Nguồn tiếp nhận nước thải: sông Tiền đoạn chảy qua ấp Nhứt, xã An Long, tỉnh Đồng Tháp.

b) Vị trí xả nước thải: sông Tiền đoạn chảy qua ấp Nhứt, xã An Long, tỉnh Đồng Tháp. Tại vị trí có tọa độ X = 1169647, Y = 547365 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiều 3°)

c) Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 400 m³/ngày đêm

- Phương thức xả nước thải: tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ.

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 11-MT:2015/BTNMT, cột A (Kq = 1,2; Kf = 1,1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến thủy sản (áp dụng đến ngày 31/12/2031), QCVN 40:2025/BTNMT, cột A - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (áp dụng kể từ ngày 01/01/2032), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
I	Kể từ thời điểm cấp Giấy phép môi trường đến hết ngày 31/12/2031			

1	pH	-	6 - 9	Không thuộc đối tượng
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	66	
3	COD	mg/l	99	
4	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	13,2	
5	BOD ₅ ở 20 ⁰ C	mg/l	39,6	
6	Tổng nitơ (tính theo N)	mg/l	39,6	
7	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	13,2	
8	Tổng dầu, mỡ động thực vật	mg/l	13,2	
9	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	3.000	
10	Clo dư	mg/l	1,32	
II Kể từ ngày 01/01/2032 đến hết thời hạn của Giấy phép môi trường				
1	pH	-	6 - 9	Không thuộc đối tượng
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	≤40	
3	Nhu cầu ôxy hóa học (COD)	mg/L	≤65	
4	Amoni (NH ₄ ⁺), tính theo N	mg/L	≤5	
5	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD ₅ ở 20 ⁰ C)	mg/L	≤40	
6	Tổng Nitơ (T-N)	mg/L	≤20	
7	Tổng photpho (T-P)	mg/L	≤8	
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	≤5	
9	Tổng Coliforms	MPN/10 0ml	≤3.000	
10	Clo dư	mg/L	≤1	
11	Chloroform (CHCl ₃)	mg/L	≤0,3	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

a) Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: → 05 bể tự hoại 3 ngăn bằng BTCT (03 bể có thể tích 10 m³/bể và 02 bể có thể tích 36 m³) → Hệ thống thu gom → Hệ thống xử lý nước thải của cơ sở, công suất 400 m³/ngày đêm.

- Nguồn số 02: → bể tách dầu mỡ có thể tích 12 m³ (L x B x H= 1 m x 1 m x 1,2m) → Hệ thống thu gom → Hệ thống xử lý nước thải, công suất 400 m³/ngày đêm.

- Nguồn số 03: → các mương hở đan lưới thép trên bề mặt (mương có kích thước B x H = 0,5m x 0,3m, độ dốc i=0,33%) → 01 hố ga bên trong nhà xưởng chế biến thủy sản (kích thước hố ga L x B x H= 1,2m x 1,2m x 1,8m) → mương hở đan lưới thép trên bề mặt (kích thước L x B= 0,5m x 0,3m, độ dốc i=0,33%) Hệ thống xử lý nước thải, công suất 400 m³/ngày đêm

- Nguồn số 04: → Hệ thống thu gom → hố ga thu gom (kích thước L x B x H= 0,8m x 0,8m x 1m) → Hệ thống xử lý nước thải, công suất 400 m³/ngày đêm.

- Nguồn số 05: → Hệ thống thu gom → hố ga thu gom (kích thước L x B x H= 0,8m x 0,8m x 1m) → Hệ thống xử lý nước thải, công suất 400 m³/ngày đêm.

- Nguồn số 06: mương hở đan lưới thép trên bề mặt (mương có kích thước B x H = 0,5m x 0,3m, độ dốc i=0,33%) → Hệ thống xử lý nước thải, công suất 400 m³/ngày đêm.

b) Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Công trình xử lý sơ bộ: có 05 hầm tự hoại 03 ngăn với tổng thể tích 102m³ và 01 bể tách dầu mỡ có thể tích 12 m³.

- Công trình xử lý nước thải: có 01 hệ thống xử lý nước thải.

+ Quy trình công nghệ xử lý: Nước thải → Mương tách mỡ → Bể tiếp nhận → Song chắn rác tinh → Bể Điều hòa → Thiết bị phản ứng siêu tốc → Bể tuyển nổi siêu nông → Bể Trung gian 1 → Bể UASB → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể Trung gian 2 → Bể lọc áp lực → Bể khử trùng → nguồn tiếp nhận.

+ Công suất thiết kế: 400m³/ngày đêm.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC, Polymer, Chlorine.

c) Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97

Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 46 Điều 1 của Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Phụ lục XXVIII kèm Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

d) Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Đã bố trí 01 hồ sự cố chứa nước thải khi gặp sự cố có lót bạt HDPE dày 1mm có diện tích 492 m², kích thước (L x B x H = 35,4m x 13,5m x 3m) với thể tích hữu dụng khoảng 825 m³.

+ Thường xuyên theo dõi hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, hồ sự cố để bảo trì, bảo dưỡng định kỳ.

+ Khi hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố Nhà máy sẽ tạm ngừng dây chuyền sản xuất để tiến hành sửa chữa, khắc phục. Dây chuyền sản xuất chỉ hoạt động trở lại sau khi hệ thống xử lý nước thải đảm bảo xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Biện pháp xử lý khi có sự cố:

+ Trong trường hợp sự cố thiết bị, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.

+ Trong trường hợp sự cố hệ thống xử lý nước thải kéo dài vượt khả năng lưu chứa của hồ sự cố thì sẽ ngưng hoạt động đến khi khắc phục xong mới cho hoạt động trở lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục A phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 199/GPMT-UBND
ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung từ hoạt động hệ thống làm lạnh.
- Nguồn số 02: nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung từ hoạt động dây chuyền chế biến thủy sản.
- Nguồn số 03: nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung từ các máy móc, thiết bị hệ thống xử lý nước thải.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo lộ trình áp dụng như sau:

a) Từ thời điểm được cấp giấy phép môi trường đến ngày 31/12/2026: áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể:

- Tiếng ồn

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn tối đa cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

- Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung tối đa cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

b) Kể từ ngày 01/01/2027: áp dụng QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể:

- Tiếng ồn

TT	Khoảng thời gian và mức ồn tối đa cho phép (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (từ 06h00 đến trước 18h00)	Tối (từ 18h00 đến trước 22h00)	Đêm (từ 22h00 đến trước 6h00)		
1	70	65	60	-	Khu vực E

- Độ rung

TT	Khoảng thời gian và mức rung tối đa cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (từ 06h00 đến trước 22h00)	Đêm (từ 22h00 đến trước 6h00)		
1	75	70	-	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Tăng cường trồng cây xây xung quanh nhà máy, xây dựng tường xung quanh nhà xưởng sản xuất để hạn chế tiếng ồn phát ra môi trường xung quanh.
- Thực hiện cố định chân bả đỡ các máy móc nhằm giảm thiểu độ rung của các máy móc trong nhà xưởng.
- Công nhân làm việc tại khu vực phát sinh tiếng ồn lớn phải trang bị nút bịt tai chống ồn.
- Bảo dưỡng bôi trơn dầu mỡ vào các máy móc thiết bị để máy hoạt động êm, hạn chế phát sinh tiếng ồn, rung (định kỳ 01 tháng/lần).

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu, bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phụ lục này.
- Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **199**/GPMT-UBND
ngày **09** tháng **7** năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

a) Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Loại rác thải	Mã chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Dầu, nhớt thải	17 02 04	Lỏng	3.000
2	Pin, ắc quy thải	19 06 05	Rắn	100
3	Bóng đèn quỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	90
Tổng cộng				3.190

b) Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

TT	Tên chất thải nguy hại	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	200
2	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 01	50
3	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 02	30
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	30
5	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác (chai lọ)	Rắn	18 01 04	100
6	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	Rắn	07 01 01	5

TT	Tên chất thải nguy hại	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
7	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	Rắn	07 01 02	2
8	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực)	Rắn	08 02 04	5
9	Thuỷ tinh, nhựa và gỗ thải có hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	11 02 01	30
Tổng cộng				452

c) Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: bao gồm phế phẩm thải ra từ quá trình chế biến thủy sản, bùn thải từ quá trình xử lý nước thải, nước mặt, phế liệu (giấy carton, dây đai, ủng, bao tay cao su, thùng xốp, bao giấy, bao nilong, túi PE,...) khoảng 9.783.300/năm.

d) Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 93 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

a) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Khu vực lưu chứa:

+ Diện tích kho lưu chứa: 10 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: kết cấu nền bê tông, tường gạch, mái tôn, có gờ chống tràn và dán nhãn. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

b) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Khu vực lưu giữ:

+ Khu vực lưu giữ phế liệu: diện tích 30m².

+ Khu vực lưu giữ bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: diện tích 20 m².

+ Khu vực lưu giữ bùn thải từ hệ thống xử lý nước mặt: diện tích 30 m².

- Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đảm bảo quy định tại Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: trang bị các thùng có nắp đậy thể tích các loại (loại 120 lít).
- Khu vực lưu chứa: Diện tích khu vực tập kết có diện tích 05 m², xây nền bằng bê tông cốt thép, xung quanh xây gờ bằng gạch để dẫn nước rỉ rác về hệ thống xử lý nước thải.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Sự cố cháy nổ: phải thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ theo quy định.
- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.
- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này./.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **199**/GPMT-UBND
ngày **09** tháng **7** năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG: không

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC: không

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG/GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG: không

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

2. Thực hiện đúng quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.

4. Công khai Giấy phép môi trường theo quy định pháp luật, trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

5. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, an toàn sự cố, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan./.